



Phụ lục II

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP

ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
I		NGÀNH, LĨNH VỰC NỘI VỤ		
1	1	Lưu trữ	Bậc 1 đến bậc 5	
2	2	Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Bậc 1 đến bậc 4	
3	3	Tư vấn viên dịch vụ việc làm	Bậc 1 đến bậc 4	
4	4	Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động	Bậc 1 đến bậc 4	
5	5	Chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng	Bậc 1 đến bậc 4	
6	6	Người huấn luyện An toàn, vệ sinh lao động	Bậc 1 đến bậc 4	
II		NGÀNH, LĨNH VỰC TƯ PHÁP		
7	1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Bậc 3 đến bậc 5	
8	2	Trợ giúp viên pháp lý	Bậc 3 đến bậc 5	
9	3	Công chứng viên	Bậc 3 đến bậc 5	
10	4	Đấu giá viên	Bậc 3 đến bậc 5	
11	5	Hỗ trợ pháp lý	Bậc 3 đến bậc 4	
12	6	Hỗ trợ nghiệp vụ	Bậc 3 đến bậc 4	
13	7	Phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Bậc 3 đến bậc 5	
III		NGÀNH, LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		
14	1	Khuyến nông	Bậc 1 đến bậc 4	
15	2	Kiểm nghiệm cây trồng	Bậc 1 đến bậc 4	
16	3	Bảo vệ thực vật	Bậc 1 đến bậc 4	
17	4	Giám định thuốc bảo vệ thực vật	Bậc 1 đến bậc 4	
18	5	Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu	Bậc 1 đến bậc 4	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
19	6	Giám định kiểm dịch thực vật	Bậc 1 đến bậc 4	
20	7	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm phân bón	Bậc 1 đến bậc 4	
21	8	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm chăn nuôi và thú y	Bậc 1 đến bậc 4	
22	9	Chẩn đoán, xét nghiệm thú y	Bậc 1 đến bậc 4	
23	10	Kiểm nghiệm thủy sản	Bậc 1 đến bậc 4	
24	11	Quản lý, bảo vệ rừng	Bậc 1 đến bậc 4	
25	12	Đăng kiểm tàu cá	Bậc 1 đến bậc 4	
26	13	Đánh giá chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Bậc 1 đến bậc 4	
27	14	Kỹ thuật thủy lợi	Bậc 1 đến bậc 4	
28	15	Kỹ thuật nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Bậc 1 đến bậc 4	
29	16	Kỹ thuật đê điều và phòng chống thiên tai	Bậc 1 đến bậc 4	
30	17	Điều tra nông nghiệp và môi trường	Bậc 1 đến bậc 4	
31	18	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi	Bậc 1 đến bậc 4	
32	19	Địa chính	Bậc 1 đến bậc 4	
33	20	Xử lý ô nhiễm môi trường	Bậc 1 đến bậc 4	
34	21	Dự báo khí tượng thủy văn	Bậc 1 đến bậc 4	
35	22	Kiểm soát khí tượng thủy văn	Bậc 1 đến bậc 4	
36	23	Đo đạc bản đồ	Bậc 1 đến bậc 4	
37	24	Viễn thám	Bậc 1 đến bậc 4	
38	25	Quan trắc tài nguyên môi trường	Bậc 1 đến bậc 4	
39	26	Kiểm chuẩn thiết bị	Bậc 1 đến bậc 4	
40	27	Phân tích thí nghiệm	Bậc 1 đến bậc 4	
41	28	Quản lý, vận hành cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, khu bảo tồn biển	Bậc 1 đến bậc 4	
IV		NGÀNH, LĨNH VỰC XÂY DỰNG		

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
42	1	Kiến trúc sư	Bậc 3 đến bậc 5	
43	2	Thẩm kế viên	Bậc 1 đến bậc 5	
44	3	Quản lý dự án	Bậc 1 đến bậc 5	Bao gồm: quản lý dự án đường không; quản lý dự án đường bộ; quản lý dự án đường sắt; quản lý dự án đường thủy; quản lý dự án hàng hải; quản lý dự án dân dụng và công nghiệp
45	4	Thông tin an ninh hàng hải	Bậc 3 đến bậc 5	
46	5	Tìm kiếm cứu nạn hàng hải	Bậc 3 đến bậc 5	
47	6	Kỹ thuật viên đường bộ	Bậc 1 đến bậc 5	
48	7	Kỹ thuật viên bến phà	Bậc 1 đến bậc 5	
49	8	Đăng kiểm viên	Bậc 1 đến bậc 5	
50	9	Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ	Bậc 1 đến bậc 5	
51	10	Cảng vụ viên hàng không	Bậc 1 đến bậc 5	
52	11	Cảng vụ viên hàng hải	Bậc 1 đến bậc 5	
53	12	Cảng vụ viên đường thủy nội địa	Bậc 1 đến bậc 5	
V		NGÀNH, LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
54	1	Nghiên cứu viên	Bậc 1 đến bậc 5	
55	2	Kỹ sư	Bậc 1 đến bậc 5	
56	3	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 1 đến bậc 5	
57	4	An toàn thông tin	Bậc 3 đến bậc 5	
58	5	Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Bậc 3 đến bậc 5	
59	6	Năng suất, chất lượng	Bậc 3 đến bậc 5	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
60	7	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Bậc 3 đến bậc 5	
61	8	Quản lý giao dịch điện tử	Bậc 3 đến bậc 5	
62	9	Quản lý, thúc đẩy phát triển tài nguyên Internet	Bậc 3 đến bậc 5	
63	10	Đổi mới sáng tạo	Bậc 1 đến bậc 5	
64	11	Sở hữu trí tuệ	Bậc 1 đến bậc 5	
65	12	Quản lý khoa học, công nghệ	Bậc 3 đến bậc 5	
VI		NGÀNH, LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
66	1	Giáo viên mầm non	Bậc 2 đến bậc 4	
67	2	Giáo viên tiểu học	Bậc 3 đến bậc 4	
68	3	Giáo viên trung học cơ sở	Bậc 3 đến bậc 4	
69	4	Giáo viên trung học phổ thông	Bậc 3 đến bậc 4	
70	5	Giáo viên dự bị đại học	Bậc 3 đến bậc 4	
71	6	Giáo viên giáo dục thường xuyên	Bậc 3 đến bậc 4	
72	7	Giáo viên sơ cấp	Bậc 2 đến bậc 5	
73	8	Giáo viên trung cấp	Bậc 3 đến bậc 5	
74	9	Giáo viên trung học nghề	Bậc 3 đến bậc 5	
75	10	Giảng viên cao đẳng (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp)		
		Giảng viên	Bậc 3	
		Giảng viên chính	Bậc 4	
		Giảng viên cao cấp	Bậc 5	
76	11	Giảng viên đại học (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp, Giáo sư, Phó Giáo sư)		
		Giảng viên	Bậc 3	
		Giảng viên chính	Bậc 4	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
		Giảng viên cao cấp (bao gồm Giáo sư, Phó giáo sư)	Bậc 5	
77	12	Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp, Giáo sư, Phó Giáo sư)		
		Giảng viên	Bậc 3	
		Giảng viên chính	Bậc 4	
		Giảng viên cao cấp (bao gồm Giáo sư, Phó giáo sư)	Bậc 5	
78	13	Giảng viên trường chính trị (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp, Giáo sư, Phó Giáo sư)		
		Giảng viên	Bậc 3	
		Giảng viên chính	Bậc 4	
		Giảng viên cao cấp (bao gồm Giáo sư, Phó giáo sư)	Bậc 5	
79	14	Quản lý đào tạo	Bậc 3 đến bậc 5	
80	15	Quản lý chất lượng giáo dục	Bậc 3 đến bậc 5	
VII		NGÀNH, LĨNH VỰC Y TẾ		
81	1	Bác sĩ	Bậc 3 đến bậc 5	
82	2	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3 đến bậc 5	
83	3	Y sĩ	Bậc 1 đến bậc 2	
84	4	Dược	Bậc 2 đến bậc 5	
85	5	Y tế công cộng	Bậc 3 đến bậc 5	
86	6	Điều dưỡng	Bậc 2 đến bậc 5	
87	7	Hộ sinh	Bậc 2 đến bậc 5	
88	8	Kỹ thuật y	Bậc 2 đến bậc 4	
89	9	Hộ sinh trưởng	Bậc 3 đến bậc 5	
90	10	Điều dưỡng trưởng	Bậc 3 đến bậc 5	
91	11	Kỹ thuật y trưởng	Bậc 3 đến bậc 5	
92	12	Kỹ thuật dược trưởng	Bậc 3 đến bậc 5	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
93	13	Dinh dưỡng	Bậc 2 đến bậc 5	
94	14	Khúc xạ nhãn khoa	Bậc 3 đến bậc 5	
95	15	Kỹ thuật thiết bị y tế	Bậc 2 đến bậc 4	
96	16	Dân số	Bậc 1 đến bậc 4	
97	17	Công tác xã hội	Bậc 1 đến bậc 4	
98	18	Tâm lý lâm sàng	Bậc 3 đến bậc 5	
99	19	Dinh dưỡng lâm sàng	Bậc 3 đến bậc 5	
100	20	Đánh giá, bảo đảm an toàn thuốc, dược liệu, vắc xin, thực phẩm	Bậc 2 đến bậc 4	
101	21	Kiểm định, kiểm nghiệm	Bậc 3 đến bậc 5	
102	22	Điều tra tài nguyên dược liệu; bảo quản chế biến dược liệu sau thu hoạch	Bậc 2 đến bậc 4	
VIII		NGÀNH, LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		
103	1	Thư viện viên	Bậc 1 đến bậc 5	
104	2	Di sản viên	Bậc 1 đến bậc 5	
105	3	Phương pháp viên	Bậc 1 đến bậc 4	
106	4	Hướng dẫn viên văn hóa	Bậc 1 đến bậc 4	
107	5	Đạo diễn nghệ thuật	Bậc 1 đến bậc 5	
108	6	Diễn viên	Bậc 1 đến bậc 5	
109	7	Họa sĩ	Bậc 1 đến bậc 5	
110	8	Tuyên truyền viên văn hóa	Bậc 1 đến bậc 4	
111	9	Huấn luyện viên	Bậc 1 đến bậc 5	
112	10	Hướng dẫn viên	Bậc 1 đến bậc 2	
113	11	Biên tập viên	Bậc 3 đến bậc 5	
114	12	Phóng viên	Bậc 3 đến bậc 5	
115	13	Biên dịch viên	Bậc 3 đến bậc 5	
116	14	Đạo diễn truyền hình	Bậc 3 đến bậc 5	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
117	15	Âm thanh viên	Bậc 1 đến bậc 5	
118	16	Kỹ thuật dựng phim	Bậc 1 đến bậc 5	
119	17	Phát thanh viên	Bậc 1 đến bậc 5	
120	18	Quay phim	Bậc 1 đến bậc 5	
121	19	Kỹ thuật ánh sáng	Bậc 1 đến bậc 4	
IX		NGÀNH, LĨNH VỰC NGÂN HÀNG		
122	1	Thông tin tín dụng	Bậc 3 đến bậc 5	
123	2	Phân tích và xếp hạng tín dụng	Bậc 3 đến bậc 5	
X		NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG		
124	1	Khuyến công	Bậc 3 đến bậc 5	
125	2	Ứng phó sự cố và an toàn hóa chất	Bậc 3 đến bậc 5	
126	3	Cảnh báo sớm trong phòng vệ thương mại	Bậc 3 đến bậc 5	
127	4	Phát triển thị trường điện và chuyển đổi số về năng lượng	Bậc 3 đến bậc 5	
128	5	Quản lý dự án và cơ sở dữ liệu thông tin năng lượng	Bậc 3 đến bậc 5	
129	6	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số	Bậc 3 đến bậc 5	
130	7	Hỗ trợ phát triển công nghiệp	Bậc 3 đến bậc 5	
131	8	Hỗ trợ xuất nhập khẩu	Bậc 3 đến bậc 5	
132	9	Xúc tiến thương mại và đầu tư	Bậc 3 đến bậc 5	
133	10	Phát triển công nghiệp môi trường	Bậc 3 đến bậc 5	
134	11	Hỗ trợ điện lực, năng lượng tái tạo và quản trị hệ thống thông tin năng lượng	Bậc 3 đến bậc 5	
135	12	Hỗ trợ cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Bậc 3 đến bậc 5	
136	13	Chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại	Bậc 3 đến bậc 5	
137	14	Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp	Bậc 3 đến bậc 5	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
XI		NGÀNH, LĨNH VỰC TÀI CHÍNH		
138	1	Kế toán	Bậc 1 đến bậc 5	
XII		NGÀNH, LĨNH VỰC KHÁC		
139	1	Chuyên viên	Bậc 1 đến bậc 5	
140	2	Hợp tác, hội nhập quốc tế	Bậc 3 đến bậc 5	
141	3	Quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	Bậc 3 đến bậc 5	
142	4	Quản lý dịch vụ nhà, đất phục vụ hoạt động đối ngoại	Bậc 3 đến bậc 5	
143	5	Quản lý phóng viên nước ngoài hoạt động ngắn hạn tại Việt Nam	Bậc 3 đến bậc 5	
XIII		DỊCH VỤ TỔNG HỢP Ở CẤP XÃ		
144	1	Văn hóa, du lịch	Bậc 1 đến bậc 4	
145	2	Thể dục, thể thao	Bậc 1 đến bậc 4	
146	3	Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số	Bậc 1 đến bậc 4	
147	4	Tài nguyên, môi trường, đô thị	Bậc 1 đến bậc 4	<i>Bao gồm chiếu sáng đô thị, công viên, cây xanh</i>
148	5	Nông nghiệp, nông thôn, khuyến nông	Bậc 1 đến bậc 4	
149	6	Công thương, khuyến công	Bậc 1 đến bậc 4	
150	7	Giao thông, xây dựng	Bậc 1 đến bậc 4	
151	8	Tư pháp	Bậc 1 đến bậc 4	
152	9	Lao động, việc làm, an sinh xã hội	Bậc 1 đến bậc 4	
153	10	Đăng ký đất đai (nếu có)	Bậc 1 đến bậc 4	

TT		Tên vị trí việc làm	Bậc nghề nghiệp sử dụng	Ghi chú
154	11	Quản lý dự án	Bậc 1 đến bậc 4	<i>Bao gồm quản lý dự án đường bộ; quản lý dự án đường sắt; quản lý dự án đường thủy; quản lý dự án hàng hải; quản lý dự án dân dụng và công nghiệp</i>
155	12	Quản lý chợ	Bậc 1 đến bậc 4	